

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6810101

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (hệ tốt nghiệp THPT)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Mã ngành: 6810101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3,0 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là ngành học đào tạo nguồn nhân lực để làm việc trong lĩnh vực du lịch và các ngành khác liên quan mật thiết đến công nghiệp không khói. Với tiềm năng và vẻ đẹp bất tận của Việt Nam, phát triển ngành du lịch được xác định là một trong những chiến lược quan trọng hàng đầu trong phát triển đất nước. Qua đó, tạo nhiều cơ hội nghề nghiệp và thỏa sức đam mê cho những người trẻ năng động.

Ngành cung cấp những kiến thức về công tác thiết lập, điều hành, quản lý các dịch vụ du lịch phù hợp với đặc điểm của từng không gian văn hóa. Với ngành học này, sinh viên không chỉ có cơ hội tiếp cận với những kiến thức nền tảng về du lịch mà còn được trải nghiệm nhiều hoạt động thực tế, liên quan trực tiếp đến nghề nghiệp trong tương lai.

Sinh viên theo học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ được tiếp cận, nghiên cứu và học tập về các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, như: Địa lý du lịch Việt Nam, tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp, chăm sóc khách hàng, quản trị nguồn nhân lực, quản trị kinh doanh nhà hàng, quản trị kinh doanh lưu trú, quản trị kinh doanh lữ hành...

Đặc biệt, ngành học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, năng lực chuyên sâu về ngành du lịch, như: Bán tour, nghiệp vụ hướng dẫn, tổ chức sự kiện, ...

Theo Tổng Cục Du lịch Việt Nam, mỗi năm toàn ngành du lịch cần thêm khoảng 40.000 lao động. Trong khi đó, số lượng sinh viên chuyên ngành ra trường mỗi năm chỉ khoảng 15.000 và chỉ có hơn 12% trong số đó có trình độ Cao đẳng, Đại học trở lên. Báo cáo tổng hợp về thực trạng nguồn nhân lực ngành Du lịch Việt Nam những năm gần đây cũng cho thấy chỉ có 43% lao động trong ngành được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ. Điều này cho thấy, nhu cầu nguồn nhân lực đặc biệt là nhân lực chất lượng cao của ngành du lịch đang rất lớn. Việc đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có vai trò hết sức to lớn trong việc bổ sung nhu cầu nguồn nhân lực ngành du lịch và đóng góp vào sự phát triển ngành du lịch Việt Nam trong tương lai.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ cao đẳng là nghề thực hiện quá trình quản lý và điều hành các hoạt động du lịch, chịu trách nhiệm: tổ chức và thực hiện thiết kế sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành, xây dựng kế hoạch marketing và truyền thông sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành; tổ chức kinh doanh và chăm sóc khách hàng; tổ chức các sự kiện du lịch; tổ chức thực hiện các dịch vụ du lịch và lữ hành; điều hành, giám sát cung cấp các dịch vụ lưu trú, ẩm thực và các dịch vụ bổ sung khác, đáp ứng được yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Để thực hiện nhiệm vụ, người lao động cần được trang bị các công cụ, máy móc thiết bị như: thiết bị văn phòng, phương tiện liên lạc, tài liệu chuyên môn... Có kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; có sức khỏe, ngoại hình phù hợp; có khả năng giao tiếp ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, nghề quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đòi hỏi người lao động phải có năng lực chỉ đạo, điều hành, giám sát các công việc nêu trên và có trình độ ngoại ngữ thích ứng với từng cấp quản trị.

Các nhiệm vụ trên chủ yếu được thực hiện tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ lữ hành, văn phòng đại lý lữ hành và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác trong điều kiện môi trường làm việc rất đa dạng, phong phú, thường xuyên có sự giao tiếp với khách hàng, với các nhà cung cấp dịch vụ và các đối tác trong và ngoài nước

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Phân tích được những kiến thức cần có của ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch và các cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch;
- Trình bày được nguyên lý, quy trình quản trị nói chung, quản trị quá trình điều hành và tổ chức thực hiện chương trình du lịch, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, quản trị cơ sở vật chất.
- Mô tả được nội dung cơ bản của hoạt động giao tiếp, về tâm lý học và về đặc điểm tâm lý khách du lịch để xây dựng mối quan hệ với khách hàng và nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Mô tả được quy trình xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Trình bày được quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch, quy trình thực hiện sản xuất dịch vụ du lịch và lữ hành để vận dụng vào công tác lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát và tổng kết đánh giá;

- Xác định được quy trình và các phương thức tiếp thị, tổ chức bán sản phẩm phù hợp với thị trường mục tiêu.

- Xác định được vai trò và tầm quan trọng của việc đào tạo nhân viên đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp.

- Mô tả được cách thức lập kế hoạch, quản lý và tổ chức các cuộc họp.

- Giải thích được vai trò của việc xây dựng và duy trì mối quan hệ với đối tác tại điểm đến, với các nhà cung cấp dịch vụ cho chương trình du lịch.

- Trình bày quy trình, cách thức tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Trình bày được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Khảo sát thị trường; phân tích, đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng dịch vụ, xác định nguồn tài chính... để xây dựng kế hoạch tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành;

- Thiết kế được sản phẩm dịch vụ du lịch và sản phẩm dịch vụ lữ hành phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

- Thực hiện quảng cáo, tư vấn khách hàng, tổ chức bán sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Xây dựng được tiêu chí đánh giá, thực hiện quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Điều hành, tổ chức thực hiện chương trình du lịch đảm bảo theo kế hoạch

- Phân tích, đánh giá và đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Thực hiện chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng một cách hiệu quả.

- Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ.

- Giám sát và thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng.

- Thực hiện đánh giá năng lực và đào tạo nhân viên đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

- Yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Chấp nhận áp lực công việc, thích nghi với môi trường làm việc thường xuyên có sự thay đổi.

- Tôn trọng khách hàng, quan tâm chăm sóc và thuyết phục được khách hàng;

- Hợp tác hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác.

- Trung thực, chủ động khắc phục khó khăn trong công việc

- Linh hoạt trong xử lý tình huống

- Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Thiết kế sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Marketing và truyền thông sản phẩm dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Kinh doanh và chăm sóc khách hàng.

- Tổ chức sự kiện.

- Tổ chức thực hiện chương trình du lịch.

- Quản lý kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Quản lý tổ chức thực hiện dịch vụ du lịch và lữ hành.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.905/80 (giờ/tín chỉ)

- Số lượng môn học: 34

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.470/61 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 765 (giờ); thực hành, thực tập: 1.140 (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Khảo sát, đánh giá nhu cầu khách hàng, khảo sát tuyến, điểm du lịch
2	NLCL-02	Khai thác dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan, vui chơi giải trí và các dịch vụ bổ sung khác
3	NLCL-03	Xây dựng kế hoạch cung ứng dịch vụ, thực hiện cung dịch vụ, điều hành, giám sát quá trình thực hiện, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ
4	NLCL-04	Xây dựng chương trình du lịch trọn gói, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh sản phẩm dịch vụ du lịch
5	NLCL-05	Lập kế hoạch marketing và truyền thông, quảng cáo, khuyến mãi sản phẩm du lịch, thiết lập quan hệ công chúng, tham gia vào các sự kiện
6	NLCL-06	Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh các hoạt động marketing và truyền thông.
7	NLCL-07	Nghiên cứu và phân đoạn thị trường, tìm kiếm khách hàng, xây dựng kế hoạch kinh doanh, thiết lập kênh phân phối sản phẩm và tổ chức các hoạt động bán hàng
8	NLCL-08	Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng, duy trì mối quan hệ với khách hàng, cung cấp thông tin cho khách hàng
9	NLCL-09	Xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện, chuẩn bị các dịch vụ và điều kiện tổ chức sự kiện, tổ chức đón tiếp khách tham gia sự kiện
10	NLCL-10	Điều hành, giám sát quá trình cung ứng các dịch vụ cho sự kiện và thực hiện sự kiện, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện.
III Năng lực nâng cao		

1	NLNC-01	Tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ chuyên môn
2	NLNC-02	Học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.
IV	Năng lực bổ trợ	
1	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
2	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
3	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học chuyên môn	61	1470	539	885	46
II.1	Môn học cơ sở	11	210	109	90	11
CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
CKD203	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
CKD305	Quản trị nguồn nhân lực	2	45	13	30	2
CDL203	Tổng quan du lịch	2	45	13	30	2
II.2	Môn học chuyên môn	44	1170	346	795	29
CDL408	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	45	13	30	2
CDL507	Tổ chức sự kiện	2	30	28	0	2

CDL301	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam	2	45	13	30	2
CDL502	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	30	28	0	2
CDL304	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	45	13	30	2
CDL303	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	30	28	0	2
CDL405	Quản trị dịch vụ và du lịch	2	30	28	0	2
CDL403	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	45	13	30	2
CDL404	Nghiệp vụ thanh toán du lịch	2	30	28	0	2
CDL401	Anh văn du lịch	3	45	42	0	3
CDL202	Luật du lịch	2	30	28	0	2
CDL402	Marketing du lịch	2	30	28	0	2
CDL306	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	2	30	28	0	2
CDL411	Nghiệp vụ bán tour và chăm sóc khách hàng	2	30	28	0	2
CDL508	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề - Nghiệp vụ lữ hành 1	2	90	0	90	0
CDL602	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề 2 - Nghiệp vụ lữ hành 2	2	90	0	90	0
CDL509	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
CDL601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
CKL555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
II.3	Môn học tự chọn, nâng cao	6	90	84	0	6
CDL409	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	2	30	28	0	2
CDL307	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	28	0	2
CDL407	Văn hóa ẩm thực	2	30	28	0	2
CDL302	Du lịch bền vững	2	30	28	0	2
CDL412	Địa lý du lịch thế giới	2	30	28	0	2
CDL504	Quy hoạch du lịch	2	30	28	0	2
Tổng cộng:		80	1905	696	1140	69

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	13	255	110	132	13
1	CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5

2	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
4	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
5	CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng:			13	255	110	132	13

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
Môn học bắt buộc			13	315	115	183	17
1	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
3	CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
4	CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
5	CDL203	Tổng quan du lịch	2	45	13	30	2
Tổng cộng:			13	315	115	183	17

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
Môn học bắt buộc			12	210	138	60	12
1	CKD203	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
2	CKD305	Quản trị nguồn nhân lực	2	45	13	30	2
3	CDL405	Quản trị dịch vụ và du lịch	2	30	28	0	2
4	CDL202	Luật du lịch	2	30	28	0	2
5	CDL301	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam	2	45	13	30	2
6	CDL307	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	28	0	2
Môn tự chọn			2	30	28	0	2
1	CDL306	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	2	30	28	0	2
2	CDL302	Du lịch bền vững	2	30	28	0	2
Tổng cộng:			14	240	166	60	14

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	13	225	152	60	13
1	CDL401	Anh văn du lịch	3	45	42	0	3
2	CDL402	Marketing du lịch	2	30	28	0	2
3	CDL403	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	45	13	30	2
4	CDL303	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	30	28	0	2
5	CDL408	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	45	13	30	2
6	CDL411	Nghiệp vụ bán tour và chăm sóc khách hàng	2	30	28	0	2
		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
1	CDL407	Văn hóa ẩm thực	2	30	28	0	2
2	CDL412	Địa lý du lịch thế giới	2	30	28	0	2
Tổng cộng:			15	255	180	60	15

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	6	90	84	0	6
1	CDL502	Quản trị kinh doanh lưu trú	2	30	28	0	2
2	CDL507	Tổ chức sự kiện	2	30	28	0	2
3	CDL404	Nghiệp vụ thanh toán du lịch	2	30	28	0	2
		Môn học tự chọn	2	30	28	0	2
1	CDL409	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	2	30	28	0	2
2	CDL504	Quy hoạch du lịch	2	30	28	0	2
		Thực tập	5	225	0	225	0
1	CDL508	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề - Nghiệp vụ lữ hành 1	2	90	0	90	0
2	CDL509	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
Tổng cộng:			13	345	112	225	8

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	2	45	13	30	2
1	CDL304	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	45	13	30	2
		Thực tập	10	450	0	450	0
1	CDL602	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề - Nghịệp vụ lễ hành 2	2	90	0	90	0
2	CDL601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
3	CKL555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng:			12	495	13	480	2

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong

các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo): Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Cử nhân thực hành

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long